

Số: /BC-HĐND

Kbang, ngày tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả giám sát thực hiện việc thu hồi và bàn giao đất của các công ty lâm nghiệp giao về địa phương quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về chương trình giám sát năm 2020 của HĐND huyện, ngày 31/8/2020, Thường trực HĐND huyện ban hành Quyết định số 97/QĐ-HĐND về thành lập Đoàn giám sát về kết quả thực việc thu hồi và bàn giao đất của các công ty lâm nghiệp và BQL rừng giao về địa phương quản lý với thành phần gồm: Thường trực HĐND huyện, Phó các Ban của HĐND huyện, mời: đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN huyện, lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và PTNT và Hạt Kiểm lâm huyện.

Đoàn giám sát đã trực tiếp làm việc với UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường, các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Krông Pa, Sơ Pai, Lơ Ku, Đăk Rong, Trạm Lập và Hà Nừng và các xã: Sơ Pai, Sơn Lang, Đăk Rong, Krong, Đăk Smar, Lơ Ku về kết quả bàn giao, tiếp nhận đất của các Công ty lâm nghiệp giao về địa phương quản lý. Đồng thời, Đoàn giám sát của Thường trực HĐND huyện đã đi kiểm tra thực tế một số vị trí đất trả về địa phương quản lý. Thường trực HĐND huyện báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Kết quả giám sát:

1. Tình hình chung về công tác bàn giao đất của các công ty lâm nghiệp và BQL rừng về địa phương quản lý.

Thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia lai. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh có quyết định sắp xếp, đổi mới đối với 07 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn huyện, theo đó, tổng diện tích đất lâm nghiệp do 07 Công ty quản lý là 67.934,33 ha⁽¹⁾. Tổng diện tích đất UBND tỉnh đã thu hồi và bàn giao về địa phương quản lý là 3.607,42 ha của 06 công ty lâm nghiệp⁽²⁾, bàn giao trên địa bàn 06 xã⁽³⁾.

2. Kết quả bàn giao, tiếp nhận và quản lý, sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp giao về địa phương quản lý:

¹ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Rong: 15.475,72 ha; Krông Pa: 7.760,84 ha; Sơ Pai: 8.258,49 ha; Lơ Ku: 9.208,78 ha; Hà Nừng: 9.159,32 ha; Trạm Lập: 10.307,87 ha và Ka Nak: 7.763,31 ha.

² Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Rong: 71,41 ha; Krông Pa: 612,8 ha; Sơ Pai: 859,95 ha; Lơ Ku: 1.551,29 ha; Hà Nừng: 366,51 ha; Trạm Lập: 145,46 ha.

³ Xã Đăk Rong: 242,57 ha, xã Sơn Lang: 586,89 ha, xã Krong: 730,98 ha, xã Đăk Smar: 108,23 ha, xã Sơ Pai: 759,93 ha, xã Lơ Ku: 1.178,82 ha.

2.1. Kết quả thu hồi đất:

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất sau sắp xếp, đổi mới của các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và phương án sử dụng đất của UBND huyện đối với phần diện tích các Công ty THHH MTV Lâm nghiệp trả về địa phương quản lý, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định thu hồi 3.607,42 ha đất của 06 Công ty lâm nghiệp để bàn giao về UBND huyện quản lý, sử dụng.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch để triển khai phương án quản lý, sử dụng diện tích đất UBND tỉnh thu hồi của các Công ty lâm nghiệp. Theo đó, đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND các xã thực hiện việc tiếp nhận toàn bộ hồ sơ liên quan đến diện tích đất các công ty lâm nghiệp trả về địa phương và tiếp nhận đất trên thực địa; UBND các xã đã tổ chức cho các hộ gia đình kê khai vị trí, diện tích, loại đất, hiện trạng sử dụng đất để làm cơ sở xác định đối tượng đủ điều kiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng phương án quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trả về địa phương trình UBND huyện phê duyệt.

2.2. Kết quả bàn giao, tiếp nhận đất:

- Các công ty TNHH MTV lâm nghiệp đã hoàn thành bàn giao hồ sơ, diện tích trên thực địa đối với diện tích đất trả về địa phương cho UBND các xã.

- UBND xã đã hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, tài liệu gồm bản đồ tỷ lệ 1/25.000; phương án, danh sách bàn giao diện tích đất trả về địa phương; biên bản bàn giao; danh sách hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

Đến nay, theo báo cáo của các xã, đã thực hiện việc tiếp nhận 3.577,5 ha đất trên thực địa; trong đó, diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 3.487,93 ha, với 1.984 hộ đang sản xuất (*trong đó, 981 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 2.048 ha; 1.013 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 1.321 ha; 869 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 1.533,39 ha*), diện tích đất khác: 89,59 ha, cụ thể như sau:

+ Xã Đăk Rong: đã tiếp nhận 242,57 ha, trong đó: diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 223,3 ha, với 185 hộ đang sản xuất (*trong đó, 108 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 102,23 ha; 87 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 121,07 ha; 153 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 162,81 ha*); diện tích đất khác: 19,27 ha.

+ Xã Sơn Lang: đã tiếp nhận 582,44 ha, trong đó, diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 582,44 ha, với 344 hộ đang sản xuất (*trong đó, 344 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 582,42 ha; 203 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 206,27 ha*).

+ Xã Krong: đã tiếp nhận 705,513 ha, trong đó, diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 705,513 ha, với 316 hộ đang sản xuất (*trong đó, 261 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 515,51 ha; 55 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 71,06 ha; 277 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 600,813 ha*).

+ Xã Sơ Pai: đã tiếp nhận 759,93 ha, trong đó: diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 757,31 ha, với 670 hộ đang sản xuất (*trong đó, 193 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 272,2 ha; 477 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 485,12 ha; 41 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 108,72 ha*); diện tích đất khác: 2,62 ha.

+ Xã Đăk Smar: đã tiếp nhận 108,23 ha, trong đó: diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 105,12 ha, với 66 hộ đang sản xuất (*trong đó, 18 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 45,38 ha; 48 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 59,74 ha; 20 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 31,75 ha*); diện tích đất khác: 3,11 ha.

+ Xã Lơ Ku: đã tiếp nhận 1.178,82 ha, trong đó: diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp là 1.114 ha, với 403 hộ đang sản xuất (*trong đó, 401 hộ sản xuất cây hàng năm với diện tích 1.112 ha; 02 hộ sản xuất cây lâu năm với diện tích 02 ha; 175 hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất với diện tích 423,03ha*); diện tích đất khác: 64,57 ha.

- Còn 29,917 ha không tiếp nhận: xã Krong: 25,467 ha tại Tiểu khu 83, 87, 90, 96 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa (*đất người dân không còn canh tác, đã phát triển thành rừng non...*); xã Sơn Lang: 4,45 ha tại Tiểu khu 55 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa (*đất rừng tự nhiên*).

2.3. Kết quả quản lý, sử dụng:

- Sau khi tiếp nhận diện tích đất của các công ty lâm nghiệp bàn giao, UBND các xã đã triển khai cho các hộ gia đình kê khai vị trí, diện tích, loại đất, hiện trạng sử dụng đất để làm cơ sở xác định đối tượng đủ điều kiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay, đã có 228 hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc kê khai đất⁽⁴⁾.

- UBND các xã đang xây dựng phương án quản lý, sử dụng đất các công ty lâm nghiệp trả về địa phương quản lý, trong đó:

+ Diện tích đất để bố trí xây dựng các công trình công cộng: 49,22 ha⁽⁵⁾;

+ Diện tích đất chưa sử dụng để kêu gọi đầu tư: 54,61 ha⁽⁶⁾;

+ Diện tích đất để giải quyết cho các hộ dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất: 0 ha;

+ Diện tích đất giao đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện: 3.346,083 ha⁽⁷⁾;

+ Diện tích đất cho thuê đất: 125,22 ha⁽⁸⁾;

- Đến nay chưa có hộ gia đình, cá nhân nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Có phụ lục kèm theo)

II. Nhận xét, đánh giá:

⁴ Xã Đăk Rong: 25 hộ, xã Sơn Lang: 63 trường hợp, Xã Krong: 49 trường hợp, xã Lơ Ku: 91 trường hợp;

⁵ Xã Đăk Rong: 0,35 ha, xã Sơn Lang: 1,5 ha giao làng Srăt làm nghĩa địa; xã Đăk Smar: 3,11 ha; xã Lơ Ku: 44,26 ha (*làm nghĩa địa, đường giao thông, đất quốc phòng*);

⁶ Xã Đăk Rong: 16,8 ha; xã Sơn Lang: 17,5 ha; xã Lơ Ku: 20,31 ha;

⁷ Xã Đăk Rong: 223,3 ha, xã Sơn Lang: 563,44 ha; xã Krong: 705,513 ha; xã Sơ Pai: 634,71 ha; xã Đăk Smar: 105,12 ha; xã Lơ Ku: 1.114 ha.

⁸ Xã Sơ Pai: 125,22 ha.

1. Ưu điểm:

Trên cơ sở các quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt phương án sử dụng đất của UBND huyện đối với phần diện tích các Công ty THHH MTV Lâm nghiệp trả về địa phương quản lý và quyết định thu hồi đất của các Công ty lâm nghiệp để bàn giao về huyện quản lý, sử dụng, UBND huyện đã ban hành kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các xã và các Công ty lâm nghiệp thực hiện các bước bàn giao hồ sơ, tiếp nhận diện tích đất trên thực địa.

Đến nay, đã thực hiện xong việc bàn giao hồ sơ và tiếp nhận đất trên thực địa. Một số công ty lâm nghiệp đã chủ động lập bản đồ, xác định tọa độ, cắm mốc ranh giới giữa đất bàn giao về địa phương quản lý và đất rừng để quản lý tránh tình trạng người dân lấn chiếm rừng.

2. Khó khăn, tồn tại:

Qua nội dung báo cáo của các Công ty lâm nghiệp, các xã và đi giám sát thực tế, Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện nhận thấy công tác thu hồi, bàn giao, tiếp nhận và quản lý, sử dụng diện tích đất các công ty lâm nghiệp trả về địa phương quản lý còn một số tồn tại và bất cập như sau:

- Tiến độ thực hiện của các xã chậm so với kế hoạch của UBND huyện đề ra⁽⁹⁾;
- Việc xác lập hồ sơ ban đầu để xây dựng phương án bàn giao đất của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp về địa phương quản lý còn nhiều bất cập:
 - + Thời điểm xác định vi phạm phá rừng làm nương rẫy của các hộ dân còn mang tính chủ quan, không có cơ sở pháp lý dẫn đến một số diện tích phải thu hồi trồng lại rừng nhưng công ty đưa vào phương án trả về địa phương quản lý⁽¹⁰⁾.
 - + Một số diện tích trả về địa phương quản lý nhưng nằm giữa rừng, không có đường đi sản xuất, khó khăn trong công tác quản lý rừng dễ bị người dân phát lấn rừng⁽¹¹⁾.
 - + Một số diện tích bàn giao để người dân sản xuất nhưng độ dốc lớn, không phù hợp để sản xuất cây hàng năm⁽¹²⁾.
 - + Một số diện tích là rừng non nhưng vẫn bàn giao về địa phương quản lý⁽¹³⁾.

⁹ Mới chỉ tiếp nhận hồ sơ và diện tích đất trên thực địa, chưa tổ chức xong việc xác lập, kê khai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, cho thuê đất.

¹⁰ Một số vị trí như: Xã Đak Smar: 58,93 ha tại Tiểu khu 123, 124 thuộc lâm phần của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơ Pai quản lý; xã Krong: 7,7 ha tại Khoảnh 5, Tiểu khu 84 thuộc lâm phần của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa; xã Sơn Lang: 20 ha tại Tiểu khu 60, 61 thuộc lâm phần quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai...

¹¹ Một số vị trí như: xã Đăk Rong: Một số vị trí tại Tiểu khu 29, 30 thuộc lâm phần của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa; xã Sơ Pai: Khoảng 15 ha tại Khoảnh 6, Tiểu khu 114 thuộc lâm phần quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai...

¹² Một số vị trí như: xã Đăk Rong: Một số vị trí tại làng Kon Lanh thuộc Tiểu khu 29, 30 thuộc lâm phần của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa; xã Lơ Ku: 20 ha tại Tiểu khu 141 thuộc lâm phần quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku...

¹³ 29,917 ha tại: xã Krong: 25,467 ha tại Tiểu khu 83, 87, 90, 96 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa; xã Sơn Lang: 4,45 ha tại Tiểu khu 55 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa.

- Phương án sử dụng kinh phí 3,329 tỷ đồng để thực hiện việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trả về địa phương quản lý trên địa bàn xã Lơ Ku và Sơ Pai chưa phù hợp vì đa phần các hộ dân có đất được đo đạc tập trung đều là người Kinh, hộ xâm canh, diện tích lớn.

- Việc xây dựng phương án, quản lý sử dụng diện tích đất trả về địa phương của UBND các xã chưa phù hợp, đa phần đều triển khai cho các hộ dân kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có quỹ đất dự phòng để giải quyết thiếu đất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, quỹ đất phát triển kinh tế ở địa phương.

III. Đề xuất, kiến nghị:

1. Đề nghị UBND tỉnh: Khảo sát lại diện tích 3 loại rừng ở các địa phương để đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh lại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai cho phù hợp với hiện trạng rừng hiện tại.

2. Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chỉ đạo các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp bố trí kinh phí để cắm mốc, quản lý ranh giới giữa đất trả về địa phương quản lý và đất rừng để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, tránh việc người dân lấn chiếm.

- Có cơ chế hỗ trợ để bắt buộc người dân có đất liền kề với rừng, đất nằm xen kẽ giữa rừng, đất có độ dốc lớn phải trồng cây lâm nghiệp để tạo độ che phủ.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh quyết định thu hồi đất đối với diện tích 29,917 ha do có rừng nên địa phương không tiếp nhận, cụ thể: xã Krong: 25,467 ha tại Tiểu khu 83, 87, 90, 96 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa (*đất người dân không còn canh tác, đã phát triển thành rừng non...*); xã Sơn Lang: 4,45 ha tại Tiểu khu 55 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa (*đất rừng tự nhiên*).

3. Đối với UBND huyện:

- Tiếp tục chỉ đạo các xã phối hợp với các công ty lâm nghiệp, các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ xác lập hồ sơ đối với đất trả về địa phương quản lý để tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, cho thuê đất theo quy định.

- Xem xét lại các phương án sử dụng đất do các công ty lâm nghiệp trả về của các xã nhằm đảm bảo tạo quỹ đất để kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế ở địa phương, phục vụ xây dựng các công trình công cộng trên địa bàn huyện; giải quyết việc thiếu đất ở, đất sản xuất cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đề xuất HĐND huyện quyết định bố trí 3,329 tỷ đồng (do tạm dừng đo đạc tại xã Sơ Pai, Lơ Ku) cho các nhiệm vụ chi cho phù hợp.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với các xã lập hồ sơ đối với đất trả về địa phương quản lý để tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, cho thuê đất.

- Tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất đối với diện tích đất trả về địa phương đảm bảo quy định.

5. Các đơn vị chủ rừng:

- Phối hợp các xã để giải quyết các trường hợp vướng mắc về xác lập hồ sơ để đẩy nhanh tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, cho thuê đất.

- Tổ chức cắm mốc, lập bản đồ, định vị ranh giới giữa đất trả về địa phương quản lý và đất rừng để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, tránh việc người dân lấn chiếm.

- Quản lý chặt chẽ diện tích giao quản lý.
- Phối hợp UBND các xã, thị trấn để vận động, tuyên truyền người dân thực hiện trồng rừng trên diện tích phải thu hồi để trồng lại rừng theo đúng kế hoạch.

6. Đối với UBND các xã, thị trấn:

- Quản lý chặt chẽ diện tích giao về địa phương quản lý; đồng thời, rà soát lại phương án sử dụng đất nhằm đảm bảo tạo quỹ đất để kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế ở địa phương; phục vụ xây dựng các công trình công cộng trên địa bàn huyện; giải quyết việc thiếu đất ở, đất sản xuất cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai cho người dân kê khai đất trả về địa phương quản lý; tiến hành kiểm tra nguồn gốc để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận QSD đất hoặc cho thuê đất theo quy định, tránh trường hợp trục lợi.

- Vận động cho người dân phát triển cây lâm nghiệp đối với những diện tích đã trả về địa phương nhưng có độ dốc lớn, nằm giữa rừng, không phù hợp để sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp vận động, tuyên truyền người dân thực hiện trồng rừng trên diện tích phải thu hồi để trồng lại rừng theo đúng kế hoạch.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát thực hiện việc thu hồi và bàn giao đất của các công ty lâm nghiệp giao về địa phương quản lý./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện uỷ;
- TT. UBND huyện;
- Ban TT.UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện (K.VII);
- Các thành viên của Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị được giám sát;
- TT.HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VP^D, TH^{Ch}.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND HUYỆN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC

Kết quả tiếp nhận, quản lý và sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp về cho địa phương quản lý

ĐVT: Ha

STT	Đơn vị	Nội dung	Diện tích đất bàn giao theo quyết định UBND tỉnh	Diện tích đã hoàn thành tiếp nhận trên thực địa								Kế hoạch sử dụng đất	Đất khác (bổ trí xây dựng các công trình công cộng, đất chưa sử dụng ...)	Ghi chú	
				Tổng diện tích đã tiếp nhận trên thực địa	Tổng diện tích người dân đang sản xuất		Hộ dân sản xuất cây hàng năm		Hộ dân sản xuất cây lâu năm		Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất		Diện tích đất khác	Kê khai, cấp đất cho hộ dân	
					Diện tích	Hộ	Diện tích	Hộ	Diện tích	Hộ	Diện tích	Hộ			
I	Xã Đăk Rong		242,57	242,57	223,3	185	102,23	108	121,07	87	162,81	153	19,27	223,3	19,27
1	Công ty TNHH MTV LN Krông Pa		57,63	57,63	55,51	30	21,03	16	34,48	16	36,73	25	2,12	55,51	2,12
2	Công ty TNHH MTV LN Đăk Roong		71,41	71,41	54,26	60	32,55	42	21,71	26	54,26	60	17,15	54,26	17,15
3	Công ty TNHH MTV LN Trạm Lập		113,53	113,53	113,53	95	48,65	50	64,88	45	71,82	68	0	113,53	0
II	Xã Sơn Lang		586,89	582,44	563,44	344	0	0	582,44	344	206,27	203	0	563,44	19
1	Công ty TNHH MTV LN Trạm Lập		31,93	31,93	31,93	30	0	0	31,93	30	12,76	14	0	31,93	0
2	Công ty TNHH MTV LN Krông Pa		34,4	29,95	29,95	17	0	0	29,95	17	21,6	13	0	29,95	0
3	Công ty TNHH MTV LN Hà Nùng		366,51	366,51	347,51	176	0	0	366,51	176	104,42	63	0	347,51	19
4	Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai		154,05	154,05	154,05	121	0	0	154,05	121	67,49	113	0	154,05	0
III	Xã Krong		730,98	705,513	705,513	316	515,51	261	71,06	55	600,813	277	0	705,513	0
1	Công ty TNHH MTV LN Krông Pa		520,77	495,303	495,303	245	305,3	190	71,06	55	407,283	210	0	495,303	0
2	Công ty TNHH MTV LN Lơ Ku		210,21	210,21	210,21	71	210,2	71	0	0	193,53	67	0	210,21	0
IV	Xã Sơ Pai		759,93	759,93	757,31	670	272,19	193	485,12	477	108,72	41	2,62	757,31	2,62
1	Công ty TNHH M TV Lâm Nghiệp Sơ Pai		646,97	646,97	644,35	628	159,2	151	485,12	477	0	0	2,62	644,35	2,62
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Lơ Ku		112,96	112,96	112,96	42	113	42	0	0	108,72	41	0	112,96	0

V	Xã Đak Smar	108,23	108,23	105,12	66	45,38	18	59,74	48	31,75	20	3,11	105,12	3,11	
1	Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai	58,93	58,93	58,93	48	1,09	2	57,84	46	9,2	11		58,93		
2	Công ty TNHH MTV LN Lơ Ku	49,3	49,3	46,19	18	44,29	16	1,9	2	22,55	9	3,11	46,19	3,11	Đập nước
VI	Xã Lơ Ku	1.178,82	1.178,82	1.114	403	1.113	401	2	2	423,03	175	64,57	1.114	64,57	
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lơ Ku	1.178,82	1.178,82	1.114	403	1.113	401	2	2	423,03	175	64,57	1.114	64,57	
TỔNG CỘNG		3.607,42	3.577,50	3.468,93	1.984	2.048	981	1.321	1.013	1.533,39	869	89,57	3.468,93	108,57	